

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/DS-PT
Ngày: 19/11/2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Ngọc Phi;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2021/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 48/TB-TA ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị U, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 9, ấp H, xã Vĩnh Gia, huyện T, tỉnh A. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 13, ấp H, xã Vĩnh Gia, huyện T, tỉnh A. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức K – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Số 24, đường Lê Văn N, phường Mỹ B, thành phố L, tỉnh A. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị P, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 29/01/2021, bản tự khai, biên bản hoà giải và các chứng cứ kèm theo, nguyên đơn bà Võ Thị U trình bày:

Nguyên bà Trần Thị P có tham gia chơi hụi do bà làm chủ, đây hụi 100.000 đồng/ngày tham gia 40 chân, bà P đã lĩnh hụi, chỉ châu lại cho bà 10 chân, còn nợ lại 30 chân 31 ngày, với số tiền 211.000.000 đồng và bà P có vay của bà 195.000.000 đồng (ngày 16/5/2020 âm lịch vay 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2020 âm lịch vay 30.000.000 đồng; ngày 29/6/2020 âm lịch vay 115.000.000 đồng) hai bên có làm biên nhận và đến ngày 24/9/2020 âm lịch bà P có vay thêm 16.000.000 đồng, hai bên không làm biên nhận, vay không tính lãi. Ngày 19/11/2020 bà U khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P và ông Trần Văn G trả tiền nợ hụi là 211.000.000 đồng và tiền vay 195.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên đến ngày 29/01/2020 bà U có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P trả tiền vay 195.000.000 đồng (gồm 03 lần vay: Ngày 16/5/2020 âm lịch vay 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2020 âm lịch vay 30.000.000 đồng; ngày 29/6/2020 âm lịch vay 115.000.000 đồng) và cùng ngày bà U có yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà Trần Thị P trả số tiền 16.000.000 đồng vay vào ngày 24/9/2020, không yêu cầu tính lãi suất. Nay bà Võ Thị U yêu cầu bà Trần Thị P trả số tiền vay 211.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị P trình bày: Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Võ Thị U làm chủ, bà tham gia 10 chân hụi ngày, hụi 100.000 đồng, bà đã lĩnh hụi và châu hụi hết đầy đủ, nay bà không còn nợ gì tiền hụi của bà Võ Thị U. Đối với khoản tiền vay bà thừa nhận có vay của bà Võ Thị U 195.000.000 đồng (ngày 16/5/2020 âm lịch vay 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2020 âm lịch vay 30.000.000 đồng; ngày 29/6/2020 âm lịch vay 115.000.000 đồng) hai bên có làm biên nhận, biên nhận do bà tự viết, ký tên và ngày 24/9/2020 âm lịch bà có vay thêm của bà Võ Thị U số tiền 16.000.000 đồng, hai bên không làm biên nhận. Riêng đối với số tiền vay 115.000.000 đồng ngày 29/6/2020 âm lịch bà P cho rằng bà đã trả rồi. Nay bà chỉ còn nợ lại của bà Võ Thị U số tiền 96.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Võ Thị U yêu cầu bà Trần Thị P trả số tiền vay 211.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Xin rút yêu cầu khởi kiện tiền hụi 211.000.000 đồng và yêu cầu ông Trần Văn G có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Bà Trần Thị P chỉ đồng ý trả số tiền 96.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Đối với số tiền 115.000.000 đồng bà đã trả rồi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U đối với bà Trần Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị P có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị U số tiền 211.000.000 đồng (Hai trăm mười một triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Võ Thị U về tranh chấp hợp đồng góp hụi số tiền 211.000.000 đồng (Hai trăm mười một triệu đồng) và yêu cầu ông Trần Văn G có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo của bà Trần Thị P: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T. Bà P không đồng ý trả số tiền nợ là 115.000.000 đồng cho bà U vì bà không có nợ số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị P trình bày: Bà xác định bà có vay của bà U tổng cộng 04 lần với số tiền 211.000.000 đồng, nhưng bà đã trả 115.000.000 đồng của lần vay ngày 29/6/2020 âm lịch, nay chỉ còn nợ bà U 96.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà P phát biểu ý kiến và lập luận cho rằng: Theo biên bản hòa giải và biên bản đối chất, bà P thừa nhận tại Tòa án có vay số tiền 115.000.000 đồng là do thiếu hiểu biết, chứ thật ra số tiền vay 115.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận có độ tin cậy không cao. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị P có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị P và chứng cứ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bà P thừa nhận có vay của bà U

04 lần tiền tổng cộng 211.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 16/5/2020 âm lịch vay 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2020 âm lịch vay 30.000.000 đồng; ngày 29/6/2020 âm lịch vay 115.000.000 đồng (có làm biên nhận) và ngày 24/9/2020 vay số tiền 16.000.000 đồng (không có làm biên nhận). Nhưng bà P cho rằng số tiền 115.000.000 đồng bà đã trả cho bà U rồi, khi trả không có làm biên nhận và không ai biết. Nay chỉ còn nợ bà U 03 lần vay với số tiền 96.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ là phù hợp với biên bản đối chất ngày 04/02/2021, biên bản hòa giải ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

Hội đồng xét xử xét thấy bà P thừa nhận vay tiền của bà U 04 lần tổng cộng 211.000.000 đồng, trong đó có lần vay 115.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện bà U không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Còn bà P thừa nhận có vay 115.000.000 đồng nhưng đã trả rồi thì bà P phải có nghĩa vụ chứng minh đã trả số tiền này. Cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện cho bà P cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng bà không cung cấp được. Do đó cấp sơ thẩm xét xử buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà U số tiền 211.000.000 đồng là có cơ sở.

Do đó kháng cáo của bà P không được chấp nhận, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị P.

Phúc xử:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U đối với bà Trần Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị P có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị U số tiền 211.000.000đ (Hai trăm mười một triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Võ Thị U về tranh chấp hợp đồng góp hội số tiền 211.000.000đ (Hai trăm mười một triệu đồng) và yêu cầu ông Trần Văn G có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải chịu 10.550.000đ (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị U được nhận lại 10.660.000đ (Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp lần

lược theo biên lai thu số 0000624 ngày 26/11/2020 và biên lai thu số 0003250, ngày 03/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thi số 0007866 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lưu Hữu Giàu